

TAND HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 68/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29 tháng 9 năm 2020.

V/v: Tranh chấp hôn nhân, gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Giáp Quang Huy.
- **Hội thẩm nhân dân:** 1/Ông Trần Thành Đô. 2/ Ông Đồng Văn Diên.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký TAND huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
- **Đại diện VKSND huyện Lạng Giang tham gia phiên toà:** Bà Hà Thị Hiên - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 29/9/2020, tại trụ sở Tòa án huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 197/2020/TLST- HNGĐ ngày 10/6/2020, về việc “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Trần Việt B, sinh năm 1978.
Nơi cư trú: Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không Không quân.
- **Bị đơn:** Chị Lê Thị S, sinh năm 1988.
Nơi cư trú: Thôn 3, xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện ngày 04/6/2020 và các lời khai tiếp sau, anh Trần Việt B trình bày:** Anh kết hôn với chị Lê Thị S ngày 26/10/2007, kết hôn do tự nguyện, có tổ chức cưới và có ĐKKH tại UBND xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình nhà chị S tại thôn 3, xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang. Thời gian hơn 10 năm chung sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra, nhưng kể từ năm đầu 2019, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống thường xảy ra cãi cọ, xô xát với nhau. Hiện vợ chồng sống ly thân từ

tháng 3/2020 cho tới nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và kéo dài, không còn khả năng đoàn tụ được; do đó anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị S.

+ Về con chung: Vợ chồng sinh được hai con chung là Trần Lê B An, sinh ngày 20/11/2009 và Trần Lê Việt Anh, sinh ngày 04/7/2014. Hiện cả hai con đang ở với mẹ; nay ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con đến khi các con trưởng thành 18 tuổi và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

+ Về tài sản chung: Không có, nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*** Tại các bản tự khai ngày 16/6/2020 và các lời khai tiếp say, chị Lê Thị S trình bày:** Chị kết hôn với anh Trần Việt B ngày 26/10/2007, kết hôn do tự nguyện và có ĐKKH tại UBND xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với gia đình nhà chị tại thôn 3, xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang. Thời gian hơn 10 năm đầu chung sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra, kể từ năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra cãi cọ, xô xát với nhau. Hiện vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2020 cho tới nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng và kéo dài, không còn khả năng đoàn tụ được; do đó nay anh B yêu cầu ly hôn với chị thì chị cũng đồng ý.

+ Về con chung: Vợ chồng sinh được hai con chung là Trần Lê B An, sinh ngày 20/11/2009 và Trần Lê Việt Anh, sinh ngày 04/7/2014. Hiện cả hai con đang ở với mẹ; nay ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/1con/tháng, đến khi các con trưởng thành 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Không có, nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh Trần Việt B giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị S và xin được nuôi cả hai con chung, anh không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Hiện mức lương của anh là 9.000.000đ/tháng và anh đã thuê nhà ở tại thôn Đồng Cống, xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, để lấy chỗ ở cho các con nên được Tòa án giao cho anh nuôi con. Tuy nhiên anh là bộ đội, một tuần phải trực 02 ngày tại đơn vị, nhưng anh sẽ thu xếp công việc để đảm bảo việc nuôi con.

Chị Lê Thị S cũng đồng ý ly hôn với anh B và chị có xin được nuôi cả hai con và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/1con/tháng, đến khi con trưởng thành 18 tuổi; hiện mức lương của chị là 6.500.000đ/tháng, chị có nhà ở gần trường học của các con; chị làm công tác đoàn thanh niên tại xã Hương Lạc và làm hành chính, không phải

trực cơ quan, nên có thời gian để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con được đảm bảo, nếu được Tòa án giao cho nuôi con.

- Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; Thẩm phán, Thư ký, đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định BLTTDS như: Xác định đúng quan hệ tranh chấp; Tư cách tố tụng; Thẩm quyền giải quyết; Giao các văn bản tố tụng cho đương sự, Viện kiểm sát đúng thời hạn luật định; Thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ. Các đương sự đều đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của BLTTDS.

Tại phiên tòa: HĐXX thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký thực hiện đầy đủ các thủ tục tại phiên tòa. Các đương sự đều đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của BLTTDS.

Đề xuất: Áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Việt B và chị Lê Thị S.

+ Về con chung: Giao cho chị Lê Thị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là Trần Lê B An, sinh ngày 20/11/2009 và Trần Lê Việt Anh, sinh ngày 04/7/2014, đến khi con trưởng thành 18 tuổi. Anh Trần Việt B phải cấp dưỡng nuôi con từ 1.000.000đồng đến 1.500.000đồng/1con/tháng.

+ Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Anh Trần Việt B phải chi án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của Kiểm sát viên; HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của BLTTDS. Các đương sự đều thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của BLTTDS.

[2] Về quan hệ tranh chấp và Thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung khởi kiện và các lời khai của đương sự; Xác định, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Lạng Giang theo quy định của BLTTDS.

[3] Về nội dung và yêu cầu khởi kiện: Anh Trần Việt B và chị Lê Thị S kết hôn ngày 26/10/2007, kết hôn do tự nguyện và có ĐKKH tại UBND xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, theo quy định của pháp luật. Thời gian hơn 10 năm sau khi kết hôn, vợ chồng

chung sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra; kể từ năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, nên trong cuộc sống thường xảy ra cãi cọ, xô xát với nhau, hiện vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2020 cho tới nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

HĐXX nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng anh B, chị S đã đến mức trầm trọng và kéo dài, không còn khả năng đoàn tụ được. Nay anh Bình xin ly hôn với chị S và chị S cũng đồng ý; nên cần công nhận thuận tình ly hôn giữa anh B và chị S.

+ Về con chung: Anh B, chị S sinh được hai con chung là Trần Lê B An, sinh ngày 20/11/2009 và Trần Lê Việt Anh, sinh ngày 04/7/2014. Nay ly hôn, anh B xin được nuôi cả hai con đến khi con và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con. Chị S cũng xin được nuôi cả hai con đến khi con và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/1con/tháng. Do anh B, chị S không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, nên HĐXX sẽ xem xét quyết định về người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, trên cơ sở căn cứ về quyền lợi mọi mặt của con và điều kiện thực tế của anh B, chị S.

HĐXX nhận định: Đối với nguyện vọng xin được nuôi cả hai con của anh B là chính đáng, thể hiện quyền, nghĩa của người Cha đối với các con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau ly hôn. Tuy nhiên, hiện các con của anh B, chị S còn nhỏ, đang ở cùng chị S tại xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang. Đến nay, các con vẫn học tập tốt, khỏe mạnh và phát triển B thường. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Trần Lê B An trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Anh B là sỹ quan quân đội; Trong đó, tại Điều 44 Bộ luật dân sự, quy định: *Nơi cư trú của sỹ quan Quân đội, quân nhân chuyên nghiệp là nơi đơn vị của quân nhân đó đóng quân.* Tại Điều 26 Luật sỹ quan Quân đội nhân dân Việt Nam quy định: *Nghĩa vụ của sỹ quan là sẵn sàng chiến đấu.* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, ông Ngô Quang Huy - Chức vụ: Trung đoàn trưởng Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không Không quân và được ông Huy cung cấp như sau:

Hiện tại đơn vị không thể bố trí được nhà tập thể cho anh B ở tại đơn vị, vì không có khu tập thể gia đình. Mặt khác, anh B cũng xác nhận một tuần phải trực đơn vị 02 ngày. Trong đó các con của anh B, chị S còn nhỏ phụ thuộc hoàn toàn vào người trực tiếp nuôi dưỡng như ăn, uống, tắm, giặt, đưa đón học hành ... Như vậy, nếu giao cho anh B nuôi con sẽ ảnh hưởng đến nhiệm vụ của anh B và quyền lợi về mọi mặt của các con. Do đó, yêu cầu này của anh B không được chấp nhận.

Đối với nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cả hai con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị S là chính đáng, thể hiện quyền, nghĩa vụ của người mẹ đối với các con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau ly hôn. Nguyện vọng này là phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của chị S. Bởi lẽ, chị

S làm công tác đoàn thanh niên và chỉ làm hành chính, không phải trực cơ quan, chị S có nhà ở riêng và gần trường học của các con, có thu nhập ổn định 6.500.000đ/tháng, có hộ khẩu độc lập và thực tế các con ở với chị S vẫn học tập tốt, khỏe mạnh và phát triển B thường. Cháu Trần Lê B An có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Do đó, giao cho chị S nuôi cả hai con và buộc anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/1con/tháng là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật, Do đó, yêu cầu này của chị S được chấp nhận. Mặt khác, việc giao con cho chị S nuôi cũng không làm ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của anh B vì: Tại khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

Tại khoản 2 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình quy định: Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được giải quyết khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con.

b) Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Anh Trần Việt B phải chi án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí Tòa án. Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Việt B và chị Lê Thị S.

2/ Về con chung: Giao cho chị Lê Thị S nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Trần Lê B An, sinh ngày 02/11/2009 và Trần Lê Việt Anh, sinh ngày 04/7/2014, đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Trần Việt B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đồng/1con/tháng. Sau khi ly hôn anh Trần Việt B được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

3/ Về án phí: Anh Trần Việt B phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí mà anh Trần Việt B đã nộp trong biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0002376 ngày 09/6/2020.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày, kể từ ngày được giao hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- *VKS huyện Lạng Giang;*
- *THA huyện Lạng Giang.*
- *UBND xã Hương Lạc;*
- *Các đương sự; Lưu hồ sơ.*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Giáp Quang Huy

TAND HUYỆN LẠNG GIANG

TỈNH BẮC GIANG

Số:..... /TL-TA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Giang, ngày 05 tháng 3 năm 2021

TRÍCH LỤC BẢN ÁN DÂN SỰ

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 68/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Việt B, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Trung đoàn 927, Sư đoàn 371, Quân chủng Phòng không Không quân.

- Bị đơn: Chị Lê Thị S, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Thôn 3, xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

ĐÃ QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí Tòa án. Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Việt B và chị Lê Thị S.

2/ Về án phí: Anh Trần Việt B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh Trần Việt B đã nộp trong biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0002376 ngày 09/6/2020.

Người nhận:

THẨM PHÁN

- Anh B.

Giáp Quang Huy

